

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 11 - 2025

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Công Điện;
Ông Phạm Minh Giới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ.

Ngày 10 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025, về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đinh Trọng C, sinh năm 1950

Địa chỉ: Số G, đường B, khối A, phường K, tỉnh Lạng Sơn. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ly hôn và lời trình bày tại phiên hoà giải, đối chất ngày 20 tháng 10 năm 2025, nguyên đơn là ông Đinh Trọng C trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là bà Nguyễn Thị Yến L tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi người sống một nơi, nguyên đơn sống ở M, bị đơn sống ở M nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung là: Đinh Trọng N, sinh ngày 09 tháng 12

năm 2015; Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2021. Hiện đều do bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bị đơn Nguyễn Thị Yến L; Về con chung: Đồng ý giao cả hai con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, nguyên đơn và bị đơn sẽ tự thoả thuận việc cấp dưỡng mà không yêu cầu Toà án giải quyết; tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại văn bản ngày 17 tháng 10 năm 2025 và lời trình bày tại phiên hoà giải, đối chất ngày 20 tháng 10 năm 2025, bị đơn là bà Nguyễn Thị Yến L có lời trình bày thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn.

Bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn; về con chung: Yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Đinh Trọng N, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2015 và Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2021, không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt nhưng đều đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xuất phát từ mâu thuẫn vợ chồng, các đương sự đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, thời gian sống ly thân đã lâu, nhưng các đương sự không gặp gỡ để bàn biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân; bỏ mặc vợ, chồng để sống ly thân; không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Chứng minh hôn nhân giữa các đương sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, xét hôn nhân giữa các đương sự tuy xuất phát từ sự tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm

2014, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn.

[3.2] Về con chung: Xét con chung của các đương sự là Đinh Trọng N và Nguyễn Bảo N1 đã được bị đơn nuôi dưỡng ổn định từ năm 2021 đến nay, cháu Đinh Trọng N cũng có nguyện vọng sống chung với bị đơn. Do đó, thoả thuận của các đương sự về việc giao các cháu Đinh Trọng N và Nguyễn Bảo N1 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự cùng xác định không có tài sản chung và không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi và đã có đơn yêu cầu miễn nộp án phí nên xem xét miễn toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đinh Trọng C và bà Nguyễn Thị Yến L.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Yến L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là Đinh Trọng N, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2015 và Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2021; ông Đinh Trọng C không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Thị Yến L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Đinh Trọng C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung; Không yêu cầu, không xem xét.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm cho ông Đinh Trọng C.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 13 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng